

**TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**



**BẢN TÓM TẮT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TỔNG CỤC HẢI QUAN
NĂM 2022**

**HỢP TÁC, TRAO ĐỔI VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRƯỚC KHI
HÀNG ĐẾN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TẠO THUẬN LỢI
CHO THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

MÃ SỐ: TCHQ/ĐT/2022-14

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Nguyễn Trường Giang

Bà Rịa – Vũng Tàu, năm 2023

MỞ ĐẦU

Tính đến năm 2022, Việt Nam hiện đã ký kết chính thức 15 Hiệp định thương mại (FTA) và đang trong quá trình đàm phán 02 Hiệp định thương mại khác. Mục đích và yêu cầu chung của các FTA là tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động thương mại của các bên. Việc giảm bớt thời gian kiểm tra, thông quan hàng hóa cũng là một trong các yếu tố hỗ trợ tích cực cho luồng thương mại quốc tế.

Để đáp ứng yêu cầu vừa kiểm soát chặt chẽ về an ninh, vừa rút ngắn thời gian thông quan tạo thuận lợi cho thương mại, một trong các phương án hiệu quả chính là hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến. Việc hợp tác, trao đổi thông tin trước khi hàng đến giúp các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là cơ quan Hải quan có thêm thời gian phân tích, xử lý kỹ càng các thông tin về hàng hóa nhập khẩu và phương tiện nhập cảnh trước khi hàng hóa, phương tiện cập bến, tránh bỏ sót các trường hợp rủi ro cao, và khi hàng hóa phương tiện đến nơi sẽ ra quyết định cho thông quan sớm để tạo thuận lợi thương mại hoặc sẽ chặn giữ ngay để đảm bảo an ninh quốc gia.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 628/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030”. Trong Chiến lược này, một trong các chỉ tiêu đến năm 2030 là *"100% các cửa khẩu đường bộ triển khai hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin khai trước về hàng hóa xuất nhập khẩu trước khi phương tiện vận chuyển hàng hóa qua biên giới"*. Điều này đồng nghĩa với việc cơ quan Hải quan phải tăng cường mạnh mẽ hoạt động hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến trong thời gian tới.

Trong bối cảnh cơ quan Hải quan đang đẩy mạnh hải quan số, hải quan thông minh, việc hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến cũng có nhiều lợi thế. Hoạt động hợp tác, trao đổi thông tin giữa cơ quan hải quan và các cơ quan liên quan, giữa cơ quan chức năng Việt Nam và các tổ chức chính phủ, tổ chức quốc tế đã có nhiều biên bản ghi nhớ, cơ chế hợp tác được ký kết, cộng thêm việc áp dụng công nghệ số và dịch vụ hành chính trực tuyến cho phép doanh nghiệp, cơ quan hải quan và các bên liên quan (vận chuyển, đại lý, kho bãi...) cũng như

các bộ, ngành cùng kết nối, cùng sử dụng trên nền tảng số, hệ thống thông tin thống nhất, liên kết. Theo đó, các cơ quan quản lý nhà nước (trong đó có cơ quan Hải quan) chủ động nắm bắt được toàn bộ thông tin về hàng hóa và phương tiện ngay từ khi hàng chưa xuất cảng quốc gia xuất khẩu hoặc chưa đến nước nhập khẩu đã có thông tin để phân tích, đánh giá, quyết định kiểm tra, giám sát hoặc xem xét điều tra, thu giữ.

Tuy nhiên, ngoài những lợi thế trên, việc hợp tác, trao đổi, xử lý thông tin trước khi hàng đến cũng gặp một số khó khăn.

Về cơ chế: hiện nay, đối với việc triển khai các thỏa thuận quốc tế về đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động XNK được thực hiện xuất phát từ định hướng hợp tác chung của Chính phủ, và các Bộ quản lý chuyên ngành phụ trách (Bộ Quốc phòng, Bộ Công an...), vì vậy, việc trao đổi, hợp tác trong lĩnh vực hải quan giữa Việt Nam và một số đối tác còn mang tính ngoại giao do không xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và các vấn đề cụ thể mà hai phía cùng quan tâm.

Về nghiệp vụ: việc thiếu sự kết nối, trao đổi và chia sẻ thông tin giữa cơ quan kiểm tra chuyên ngành và cơ quan Hải quan trước thời điểm hàng đến cảng nhập nên dẫn đến khó khăn cho quá trình thực hiện, bởi chưa có cơ sở pháp lý ràng buộc việc chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu lên Cổng thông tin một cửa quốc gia nên chưa triển khai chia sẻ thông tin và dữ liệu về kiểm tra chuyên ngành trên hệ thống một cửa quốc gia. Hơn nữa, việc xây dựng các cơ sở dữ liệu kinh nghiệm từ Hải quan các nước còn bị động, cơ sở dữ liệu chưa được phong phú vì còn phụ thuộc vào đối tác nước ngoài, yêu cầu đưa ra rất gấp và về các vấn đề kỹ thuật chuyên sâu nên chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu từ các đơn vị nghiệp vụ; Phản hồi yêu cầu xác minh của phía nước ngoài cho ta còn chậm, nhiều yêu cầu thậm chí không được phản hồi dẫn đến khó khăn và chậm trễ trong việc giải quyết thủ tục cho các lô hàng và doanh nghiệp nhập khẩu.

Về phía người khai hải quan: quy trình khai báo điện tử khá phức tạp, nếu người khai hải quan không được đào tạo và thực hành thường xuyên thì việc khai

báo thông tin sẽ rất dễ bị nhầm, thiếu sót, mà hệ thống phân luồng tự động nên người khai chỉ phát hiện ra lỗi khi đem bộ chứng từ sang cơ quan hải quan và nếu xảy ra lỗi thì phải mất thời gian chỉnh sửa và hoàn thiện từ đầu; Khi hệ thống bị lỗi có thể gây mất, sai lệch thông tin về hàng hóa hoặc chậm xử lý.

Để hoàn thành chỉ tiêu đến năm 2030 “100% các cửa khẩu đường bộ triển khai hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin khai trước về hàng hóa xuất nhập khẩu trước khi phương tiện vận chuyển hàng hóa qua biên giới”, khối lượng công việc sẽ ngày càng tăng lên, tạo ra sức ép lớn cho các cán bộ hải quan trong việc ra quyết định về xử lý đối với hàng hóa xuất nhập khẩu trước khi hàng đến. Vì vậy, cơ quan hải quan rất cần các biện pháp thiết thực để có thể tăng cường mạnh mẽ năng lực, hiệu quả của hoạt động hợp tác trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến nhằm mục tiêu vừa đảm bảo kiểm soát tuân thủ, vừa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu đáp ứng yêu cầu tạo thuận lợi thương mại. Do đó, việc nghiên cứu đề tài "*Hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến đáp ứng yêu cầu tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế*" mang tính cấp thiết đối với ngành Hải quan hiện nay nhằm thực hiện mục tiêu tại Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030 nói riêng, tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế cũng như đảm bảo an ninh quốc gia nói chung.

Ngoài mục lục, danh mục ký hiệu và viết tắt, lời mở đầu, đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về hoạt động hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến trong tạo thuận lợi thương mại quốc tế.

Chương 2: Thực trạng hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC, TRAO ĐỔI VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRƯỚC KHI HÀNG ĐẾN TRONG TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1.1. Tạo thuận lợi thương mại quốc tế và các nội dung liên quan đến Hải quan

1.1.1. Khái niệm thương mại quốc tế

- Khái niệm thương mại quốc tế

Thương mại quốc tế là hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ giữa các quốc gia với nhau. Thông qua thương mại quốc tế, các quốc gia sẽ mua được hàng hóa với mức giá rẻ hơn ở thị trường mà mình tự sản xuất ra. Hoặc có thể sử dụng các loại hàng hóa, dịch vụ trong nước không cung ứng và tự sản xuất ra được.

- Đặc điểm của thương mại quốc tế

Thứ nhất, đối tượng của hoạt động thương mại quốc tế là các quan hệ phát sinh giữa các quốc gia khi tham gia vào thương mại quốc tế.

Thứ hai, phạm vi của các quan hệ thương mại quốc tế rộng hay hẹp tùy thuộc vào cách hiểu về hoạt động thương mại ở phạm vi quốc gia cũng như ở phạm vi quốc tế qua từng thời kỳ.

Thứ ba, ngày nay hoạt động thương mại quốc tế được hiểu theo khái niệm hiện đại, khái niệm rộng và do đó đối tượng của hoạt động thương mại quốc tế ngày càng đa dạng và phức tạp.

- Vai trò thương mại quốc tế

Thương mại quốc tế đóng một vai trò rất quan trọng đối với các quốc gia. Nó cho phép các quốc gia tiêu dùng các mặt hàng với số lượng nhiều hơn và chủng loại phong phú hơn mức ranh giới của đường giới hạn khả năng sản xuất trong điều kiện đóng cửa nền kinh tế của mỗi nước.

Bên cạnh đó, thương mại quốc tế có sự tác động qua lại, buộc mỗi quốc gia phải thay đổi cơ cấu kinh tế phù hợp với ngành nghề, vùng miền và thành phần kinh tế với đặc thù và lợi thế cạnh tranh của mỗi quốc gia.

1.1.2. Nội hàm tạo thuận lợi thương mại quốc tế

Có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm “thuận lợi hoá thương mại”. Tuy nhiên, có thể hiểu “thuận lợi hoá thương mại” là những quy định cho phép các quốc gia đơn giản hóa và hài hòa hóa các thủ tục thương mại liên quan đến việc thu thập, trình bày, và xử lý các thông tin cần thiết cho giao dịch thương mại quốc tế.

Vai trò của thuận lợi hóa thương mại

Vai trò của thuận lợi hóa thương mại được thể hiện trên các mặt sau:

Thứ nhất, thương mại hóa cho phép các quốc gia tăng cường lợi thế cạnh tranh.

Thứ hai, thuận lợi hóa thương mại góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường mới và thu hút đầu tư nước ngoài cho các quốc gia.

Thứ ba, thuận lợi hoá thương mại cho phép người tiêu dùng mở rộng cơ hội tiếp cận với các sản phẩm, dịch vụ ưu việt từ các quốc gia khác một cách dễ dàng hơn.

Thứ tư, thuận lợi hoá thương mại góp phần làm giảm chi phí, nâng cao lợi nhuận và tăng cường khả năng cạnh tranh cho các nhà cung cấp.

Thứ năm, thuận lợi hoá thương mại góp phần thúc đẩy hiệu quả sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế.

Thứ sáu, thuận lợi hoá thương mại góp phần cải thiện cán cân thanh toán quốc tế.

Thứ bảy, thuận lợi hoá thương mại thúc đẩy thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động giao lưu văn hoá và tri thức quốc tế, tăng cường sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau và tình hữu nghị giữa các dân tộc.

Như vậy, hội nhập khu vực và quốc tế là xu hướng tất yếu của thế giới và thuận lợi hóa thương mại đã mang lại những lợi ích thiết thực cho mỗi quốc gia. Muốn phát triển, các nước cần có chính sách thương mại phù hợp nhằm đáp ứng xu thế của thời đại cũng như phục vụ lợi ích quốc gia trong trung và dài hạn.

1.1.3. Yêu cầu thuận lợi hóa thương mại quốc tế đối với cơ quan Hải quan

Các yêu cầu về thuận lợi hóa thương mại quốc tế đối với cơ quan Hải quan được thể hiện cụ thể qua các Hiệp định thương mại sau:

Hiệp định Thuận lợi hóa Thương mại (TFA); Hiệp định EVFTA; Hiệp định RCEP; Hiệp định CPTPP; Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA); Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và các nước thành viên EAEU...

Sự bùng nổ của giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới hiện nay với khối lượng hàng hoá tăng mạnh, áp lực thông quan nhanh đòi hỏi các khâu xử lý thông quan của cơ quan hải quan cần phải nhanh, kịp thời để đáp ứng nhu cầu thông quan hàng hoá. Do vậy, việc thu thập trao đổi các thông tin điện tử trước về hàng hoá một mặt tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, một mặt giúp giải phóng các áp lực của quá trình kiểm tra hồ sơ và thực tế hàng hoá trong khâu thông quan của cơ quan hải quan. Trong các quy định của các Hiệp định thương mại trên đều có các điều khoản để đẩy nhanh quá trình di chuyển, giải phóng và thông quan hàng hóa, bao gồm cả hàng hóa quá cảnh, đồng thời đặt ra các biện pháp đẩy mạnh hiệu quả hợp tác giữa cơ quan hải quan và các cơ quan liên quan khác về các vấn đề thuận lợi hóa thương mại và tuân thủ hải quan, các điều khoản về hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực trong lĩnh vực này.

Các yêu cầu thuận lợi hóa thương mại từ Chính phủ, Bộ Tài chính và từ chính yêu cầu của Ngành:

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan vừa ban hành Chỉ thị số 479/CT-TCHQ về thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Nghị quyết số 05-NQ/BCSD ngày 12/01/2023 của Ban cán sự đảng Bộ Tài chính về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2023; Kế hoạch hành động của Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan với phương châm “Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”.

1.2. Các nội dung hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến

1.2.1. Nội hàm về hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến

Hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến là hành động mà các

bên cùng làm việc, hỗ trợ nhau những thông tin cần trao đổi và nhận lại, từ đó xử lý các thông tin theo các cách để hai bên cùng thực hiện được các thông tin.

1.2.2. Chủ thể hợp tác, trao đổi thông tin trước khi hàng đến

Trong chuỗi quản lý giao dịch hàng hoá thương mại quốc tế hiện nay, việc trao đổi thông tin giao dịch thương mại quốc tế được thực hiện thông qua sự trao đổi thông tin giữa *cơ quan hải quan - cơ quan chính phủ; cơ quan hải quan với các cơ quan hải quan các nước và các tổ chức quốc tế; cơ quan hải quan và các đối tác thương mại bao gồm doanh nghiệp xuất khẩu/ nhập khẩu, các nhà khai thác được chỉ định DO (công ty bưu chính), các doanh nghiệp ưu tiên (AEO), các hãng vận chuyển hàng không, các hãng tàu.*

1.2.3. Nội dung trao đổi thông tin

Đối với các yêu cầu về trao đổi thông tin trước khi hàng đến, cơ quan hải quan cần thu thập các thông tin cụ thể như:

(i) *Thông tin cụ thể về hàng hoá như tên hàng, số lượng hàng hoá, trị giá hàng hoá và các chứng từ liên quan như hoá đơn, hợp đồng mua bán, hãng vận chuyển, cước vận chuyển.*

(ii) *Tờ lược khai hàng hóa do doanh nghiệp vận tải gửi cơ quan Hải quan*

(iii) *Thông tin phục vụ việc ra các quyết định trước (Phán quyết trước) do doanh nghiệp và các cơ quan có liên quan gửi.*

(iv) *Dữ liệu điện tử liên quan đến tờ khai hải quan, C/O, thông tin nghiệp vụ trao đổi giữa cơ quan Hải quan với các cơ quan chính phủ và các tổ chức quốc tế*

1.2.4. Cách thức hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin

Hiện nay, việc hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến phụ thuộc vào mối quan hệ đối tác của các chủ thể: cơ quan Hải quan với các cơ quan có liên quan trong nước; cơ quan Hải quan với Hải quan các nước và các tổ chức quốc tế; cơ quan Hải quan với các doanh nghiệp. Hình thức chủ yếu là trao đổi qua phương thức điện tử, ở phạm vi trong nước, trao đổi thông tin giữa cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý chuyên ngành và các cơ quan quản lý biên giới, cơ quan liên quan đến quá trình xử lý hàng hoá xuất nhập khẩu được thực hiện theo

quy định của Chính phủ và việc ký kết thoả thuận hợp tác giữa các bên.

Việc trao đổi thông tin có thể thông qua email, fax và các công văn, qua Công thông tin nghiệp vụ hải quan và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan hải quan và Công thông tin Một cửa quốc gia.

1.2.5. Một số mô hình trao đổi thông tin trước khi hàng đến trên thế giới

Hướng dẫn giải phóng hàng ngay lập tức; Mô hình thông tin trước Bưu chính toàn cầu EAD; Trao đổi thông tin hàng hóa trước khi bốc hàng (PLACI 7+1); Nguyên tắc thông quan Ngay lập tức (IRG) của WCO; Hệ thống kiểm soát nhập khẩu EU 2 (ICS2).

Một số bài học rút ra cho Hải quan Việt Nam trong hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến:

Một là, việc xây dựng các mô hình trao đổi thông tin trước khi hàng đến cần đảm bảo tính chính xác của thông tin về hàng hóa thu thập được;

Hai là, cần có một cơ chế chia sẻ thông tin giữa các bên để đảm bảo dữ liệu thông tin về hàng hóa được truyền một cách nhanh nhất có thể.

Ba là, cần cung cấp dữ liệu cho công tác quản lý rủi ro về hàng hóa cho cơ quan hải quan, là căn cứ để đưa ra các quyết định về hàng hóa sớm nhất có thể cho quá trình thông quan hàng hóa diễn ra sau đó.

1.3. Yêu cầu đặt ra đối với cơ quan hải quan trong việc hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến nhằm tạo thuận lợi thương mại quốc tế

Thứ nhất, để thực hiện hiệu quả việc hợp tác trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến nhằm mục đích tạo thuận lợi thương mại quốc tế việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý là điều kiện tiên quyết xây dựng nền tảng cho các quy trình nghiệp vụ của cơ quan hải quan liên quan đến lĩnh vực này.

Thứ hai, cần có đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin phía cơ quan Hải quan.

Thứ ba, cơ quan Hải quan cần thống nhất các mẫu dữ liệu, chứng từ, tờ khai... với các bên liên quan để thực hiện trao đổi, chia sẻ thông tin.

Thứ tư, yêu cầu về cơ sở hạ tầng và áp dụng công nghệ thông tin hiện đại là

yếu tố quan trọng trong việc xử lý thông tin trước khi hàng đến của cơ quan hải quan.

Thứ năm, đẩy mạnh hợp tác giữa cơ quan hải quan và các cơ quan bộ ngành trong nước cũng như hợp tác quốc tế để tăng cường hiệu quả trao đổi và chất lượng thông tin đặc biệt là các thông tin mang tính cảnh báo về lô hàng.

Thứ sáu, chất lượng nguồn nhân lực hải quan là yếu tố then chốt đối với bất kỳ lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan hải quan.

Tiểu kết Chương 1

Tại Chương 1, Nhóm Nghiên cứu đã đưa ra các khái niệm về thương mại quốc tế, đặc điểm và vai trò của thương mại quốc tế, đưa ra các nội dung về tạo thuận lợi thương mại quốc tế, yêu cầu thuận lợi hóa thương mại quốc tế đối với cơ quan Hải quan quy định trong các Hiệp định như: Hiệp định Thuận lợi hóa Thương mại (TFA), EVFTA, RCEP, CPTPP, ATIGA... Tiếp đó, Nhóm nghiên cứu nội dung về hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến: Chủ đề trao đổi thông tin trước khi hàng đến, nội dung trao đổi thông tin, hình thức và cơ chế trao đổi thông tin, một số mô hình trao đổi thông tin trước khi hàng đến và đặt ra một số yêu cầu đối với cơ quan hải quan trong hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến nhằm tạo thuận lợi thương mại quốc tế:

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý;

Thứ hai, có đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin từ phía cơ quan Hải quan;

Thứ ba, cơ quan Hải quan cần thống nhất được các mẫu dữ liệu;

Thứ tư, đầu tư cơ sở hạ tầng, áp dụng CNTT;

Thứ năm, đẩy mạnh hợp tác giữa cơ quan hải quan và các cơ quan bộ ngành trong nước cũng như hợp tác;

Thứ sáu, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hải quan.

Đây chính là những cơ sở lý luận cần thiết để Nhóm đánh giá những thực trạng của hoạt động này của Hải quan Việt Nam thời gian qua để đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến trong tạo thuận lợi thương mại quốc tế.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HỢP TÁC, TRAO ĐỔI VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRƯỚC KHI HÀNG ĐẾN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Thực trạng hợp tác, trao đổi, xử lý thông tin trước khi hàng đến giữa cơ quan Hải quan với các cơ quan chính phủ

2.1.1. Cơ sở pháp lý

Các quy định pháp lý làm căn cứ thực hiện việc trao đổi thông tin phục vụ xử lý trước khi hàng đến:

(i) Văn bản hợp nhất 10/VBHN-VPCP năm 2017 hợp nhất Luật Công nghệ thông tin đã có các quy định cơ bản về hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. Luật Tiếp cận thông tin quy định công dân được tiếp cận thông tin của cơ quan nhà nước (Điều 5), cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra (Khoản 1 Điều 9).

(ii) Luật Hải quan có quy định về thông tin hải quan (Điều 93), hệ thống thông tin hải quan (Điều 94), việc thu thập, cung cấp thông tin hải quan ở trong nước (Điều 95), ở nước ngoài (Điều 96).

(iii) Luật quản lý thuế có quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế (Điều 98).

(iv) Luật quản lý ngoại thương có quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc chia sẻ thông tin liên quan đến hoạt động ngoại thương, quản lý ngoại thương (điểm a khoản 3 Điều 6).

(v) Các luật chuyên ngành có quy định liên quan trực tiếp đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, người và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2.1.2. Nội dung hợp tác, trao đổi, xử lý thông tin

Các thông tin trao đổi bao gồm:

(i) Thông tin phục vụ việc ra các quyết định trước (Phán quyết trước)

Trong hoạt động trao đổi thông tin phục vụ việc ban hành các phán quyết trước của cơ quan Hải quan, việc phối hợp với các cơ quan chuyên ngành là thực

sự cần thiết. Các thông tin cảnh báo từ cơ quan quản lý chuyên ngành về hàng hoá dự định nhập khẩu (nguy cơ sâu bệnh, dịch hại), là các yếu tố cần thiết giúp cơ quan hải quan thực hiện tốt công tác kiểm soát rủi ro đối với lô hàng và giúp đưa ra các quyết định chính xác liên quan đến lô hàng khi nhập khẩu

Các loại thông tin cung cấp, chia sẻ xác định theo lĩnh vực quản lý của từng bộ, ngành, địa phương, từ đó làm cơ sở để đưa ra quyết định thông quan, áp mã hàng hóa, thuế suất phù hợp và nhanh chóng.

(ii) Dữ liệu điện tử liên quan đến tờ khai hải quan, C/O, thông tin nghiệp vụ trao đổi giữa cơ quan Hải quan với các cơ quan chính phủ

Đến nay, 100% thủ tục hải quan cơ bản đã được tự động hóa, 100% Cục Hải quan, Chi cục hải quan thực hiện thủ tục hải quan điện tử với 99,65% doanh nghiệp tham gia. Theo đó, việc khai báo, tiếp nhận, xử lý thông tin và ra quyết định thông quan được thực hiện với mức độ tự động hóa cao; thời gian xử lý bộ hồ sơ hải quan khoảng 03 giây. Đồng thời, Tổng cục Hải quan đẩy mạnh thu thuế XNK bằng phương thức điện tử, số thu ngân sách bằng phương thức điện tử đã đạt 98,4% tổng số thu ngân sách của Tổng cục Hải quan. Triển khai Hệ thống quản lý hải quan tự động thông qua việc kết nối, trao đổi thông tin với doanh nghiệp kinh doanh cảng, sân bay, kho bãi, địa điểm chịu sự giám sát hải quan,... Nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, Tổng cục Hải quan đã đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT). Đến nay số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức độ 4) của Tổng cục Hải quan đạt 72%; số lượng dịch vụ công trực tuyến một phần đạt 28%.

Tính đến ngày 01/12/2022, Cơ chế một cửa quốc gia đã có 250 thủ tục hành chính của 13 Bộ, ngành kết nối. Trong năm 2022, các Bộ đã triển khai thêm 7 thủ tục hành chính trên Cơ chế một cửa quốc gia. Đồng thời, Tổng cục Hải quan tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành tiếp tục mở rộng Cơ chế một cửa ASEAN, duy trì kết nối chính thức Cơ chế một cửa ASEAN để trao đổi thông tin chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với tất cả 9 nước thành viên ASEAN.

2.1.3. Cách thức trao đổi, xử lý thông tin

Việc trao đổi, xử lý thông tin trước khi hàng đến được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Phương thức kết nối, chia sẻ thông tin bao gồm: Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu trực tuyến trên môi trường mạng giữa các hệ thống thông tin của bên cung cấp thông tin, bên khai thác, sử dụng thông tin và Cổng thông tin một cửa quốc gia; Truy cập trực tiếp vào Cổng thông tin Một cửa quốc gia. Mô hình kết nối, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin của bên cung cấp thông tin, bên khai thác, sử dụng thông tin và Cổng thông tin Một cửa quốc gia thực hiện theo quy định về mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu quy định tại Điều 46 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

2.2. Thực trạng hợp tác, trao đổi, xử lý thông tin trước khi hàng đến giữa Hải quan Việt Nam với Hải quan các nước và các tổ chức quốc tế

2.2.1. Cơ sở pháp lý

a. Các cam kết, thỏa thuận quốc tế

- Công ước quốc tế về hỗ trợ hành chính lẫn nhau nhằm ngăn ngừa và trấn áp các vi phạm Hải quan - Công ước Nairobi.

- Công ước quốc tế về hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan - Công ước Johannesburge.

- Các Hiệp định thương mại tự do.

- Các Hiệp định về hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ các nước.

b. Các quy định của Việt Nam

- Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, hiện được thay thế bằng Luật Điều ước quốc tế 2016.

- Luật Hải quan năm 2014 với nhiều quy định về hợp tác về hải quan nói chung và về kê khai hàng hóa trước nói riêng.

- Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện, tổ chức thực hiện, trách nhiệm của các cơ quan trong việc ký

kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế

- Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/04/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

- Thông tư số 728/2018/TT-BTC ngày 15/06/2018 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan.

- Thông tư số 1420/2018/TT-BTC ngày 14/12/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thu thập thông tin nghiệp vụ hải quan ở nước ngoài.

- Tại cấp Tổng cục, công tác trao đổi thông tin với nước ngoài hiện đang được quy định tại một số văn bản: Quyết định số 380/QĐ-TCHQ ngày 08/02/2018 ban hành Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Tổng cục Hải quan; Quyết định số 1719/QĐ-TCHQ ngày 01/7/2020 ban hành Quy chế quản lý việc trao đổi thông tin với nước ngoài trong lĩnh vực Hải quan; Quyết định số 192/QĐ-TCHQ ngày 04/02/2020 ban hành Quy chế phối hợp thông tin liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan của các quốc gia áp dụng biện pháp trừng phạt theo Nghị quyết của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.

Trong đó, việc ban hành Quy chế quản lý việc trao đổi thông tin với nước ngoài trong lĩnh vực Hải quan kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TCHQ ngày 01/7/2020 là căn cứ quan trọng để thực hiện công tác trao đổi thông tin với nước ngoài trong lĩnh vực Hải quan.

2.2.2. Nội dung hợp tác, trao đổi, xử lý thông tin

Việc trao đổi thông tin dữ liệu trên tờ khai hải quan có thể thực hiện theo hình thức điện tử trước hoặc sau khi hàng đến cảng. Mục đích của trao đổi dữ liệu trên tờ khai hải quan là để cơ quan hải quan có thông tin từ nước xuất khẩu đối với lô hàng chuẩn bị nhập khẩu vào một lãnh thổ hải quan, để đánh giá rủi ro lô hàng và là dữ liệu để đối chiếu so sánh với các thông tin khai báo của người khai hải quan hoặc chủ hàng. Việc trao đổi thông tin trên tờ khai hải quan là xu hướng

hiện đại mà các cơ quan hải quan đang tiến đến dù hiện nay vẫn đang còn nhiều rào cản về mặt pháp lý, công nghệ và cả ngôn ngữ trên tờ khai hải quan.

2.2.3. Cách thức trao đổi, xử lý thông tin

Việc trao đổi thông tin và chứng từ điện tử giữa cơ quan nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với cơ quan, tổ chức thuộc các quốc gia, vùng lãnh thổ, theo các thỏa thuận, điều ước quốc tế về trao đổi thông tin và chứng từ điện tử với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thực hiện thông qua Cổng thông tin Một cửa quốc gia và theo quy định tại các Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP .

2.3. Thực trạng hợp tác, trao đổi, xử lý thông tin trước khi hàng đến giữa cơ quan Hải quan với các doanh nghiệp và đối tác thương mại

2.3.1. Cơ sở pháp lý

Điều 66 Luật Hải quan quy định về việc thông báo thông tin phương tiện vận tải trước khi hàng đến.

- Điều 7 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định về việc thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia.

2.3.2. Nội dung hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin

Khai thông tin trước khi hàng đến

Đối với vận tải đường biển, việc khai thông tin trước dựa trên bản lược khai hàng hóa, thực hiện theo Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018*), quy định cụ thể trách nhiệm của người khai hải quan.

Đối với hàng hóa nhập khẩu qua cửa khẩu đường bộ, đường thủy nội địa, Tổng cục Hải quan đã hoàn thiện xây dựng Hệ thống tiếp nhận kiểm tra, xác nhận bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu điện tử địa theo Công văn số 119/TCHQ-GSQL ngày 21/01/2021, Công văn số 330/TCHQ-GSQL ngày 22/01/2021 và Công văn số 1503/TCHQ-GSQL ngày 02/4/2021 của Tổng cục Hải quan. Từ ngày 20/4/2023 các Cục Hải quan tỉnh biên giới triển khai thực hiện khai báo, tiếp nhận, kiểm tra, xác nhận Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu điện tử đối với hàng hóa

nhập khẩu qua cửa khẩu đường bộ thực hiện việc khai báo thông tin trước hàng hóa nhập, xác nhận hàng nhập khẩu vào khu vực cửa khẩu trên Hệ thống theo hướng dẫn tại Công văn số 1790/TCHQ-GSQL ngày 17/4/2023.

Kiểm tra chuyên ngành trước thông quan hàng hóa qua cổng thông tin một cửa quốc gia được quy định Điều 25 Nghị định 85/2019/NĐ-CP. Người khai hải quan được đưa vào lưu thông hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trước thông quan sau khi có kết quả kiểm tra chuyên ngành đạt yêu cầu hoặc được miễn kiểm tra chuyên ngành và cơ quan hải quan quyết định thông quan.

2.3.3. Cách thức trao đổi, xử lý thông tin

Quá trình thực hiện các thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa quốc gia đặc biệt là các thủ tục liên quan đến phương tiện vận tải tàu biển, tàu bay có sự tham gia của người trung gian cung cấp dịch vụ truyền nhận, chuyển đổi dữ liệu, như Công ty SITA, ARINC cung cấp dịch vụ truyền nhận dữ liệu cho các hãng hàng không đến Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2.4. Đánh giá chung công tác hợp tác, trao đổi, xử lý thông tin trước khi hàng đến của Hải quan Việt Nam

2.4.1. Những kết quả đạt được

Về việc đáp ứng các cam kết quốc tế

Việc triển khai trao đổi thông tin thông qua các hệ thống kết nối Cơ chế một cửa quốc gia với các Bộ, ngành, Cơ chế một cửa ASEAN một mặt tạo thuận lợi thương mại, mặt khác mại đã đáp ứng cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế.

Về tạo thuận lợi thương mại

Việc triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN tiếp tục mang lại lợi ích cho người dân và doanh nghiệp. Theo báo cáo mức độ hài lòng của doanh nghiệp về việc thực hiện thủ tục hành chính xuất nhập khẩu năm 2018 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hợp tác với Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Tổng cục Hải quan thực hiện thì: Những doanh nghiệp từng thực hiện thủ tục trên Cơ chế một cửa quốc gia nhận diện tương đối

rõ những thuận lợi khi thực hiện thủ tục qua Cơ chế một cửa quốc gia.

Về đảm bảo cơ sở hạ tầng

Trên cơ sở các cơ chế trao đổi thông tin, cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin đã được thiết lập để triển khai kết nối Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và các yêu cầu kết nối mở rộng theo các lộ trình tiếp theo, Việt Nam có thể thực hiện nâng cấp, mở rộng trên nền tảng sẵn có để kết nối thêm các Bộ ngành; trao đổi thêm các chứng từ điện tử khác như tờ khai hải quan, chứng nhận kiểm dịch, an toàn thực phẩm qua Cơ chế một cửa ASEAN.

Về việc đáp ứng yêu cầu quản lý của cơ quan Hải quan

Trong quá trình hợp tác trao đổi thông tin trước khi hàng đến, cơ quan Hải quan đã thu thập nhiều thông tin quan trọng từ các nguồn trong và ngoài nước để nắm bắt sớm được thông tin về hàng hóa trước khi nhập khẩu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các vi phạm khác về pháp luật Hải quan của các đối tượng ở trong nước hoặc các đường dây buôn lậu liên quan đến yếu tố nước ngoài.

Thực hiện phán quyết trước

Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa dự kiến XNK đã được cơ quan Hải quan triển khai trong thời gian qua, nhằm giúp doanh nghiệp (DN) giảm thời gian thông quan, giảm thiểu rủi ro, nhất là trong thời điểm hiện nay, khi hoạt động XNK gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của sự suy thoái kinh tế toàn cầu. Việt Nam đã có khung pháp lý quy định rõ ràng về cơ chế xác định trước để giảm thiểu rủi ro đối với hàng hóa XNK.

Thủ tục và điều kiện thực hiện quyền được xác định trước mã HS đã được quy định cụ thể tại Điều 23, Điều 24 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ; khoản 11, Điều 1 Nghị Định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/04/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ; hồ sơ xác định trước mã số thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 1, Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư

số 38/2015/TT- BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính và gửi hồ sơ đến Tổng cục Hải quan, để được giải quyết theo đúng thẩm quyền. Ngày 31/5/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 33/2023/TT-BTC quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trong đó có quy định trước khi làm thủ tục hải quan đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu, tổ chức, cá nhân có đề nghị xác định trước xuất xứ hàng hóa thì nộp bộ hồ sơ đề nghị xác định trước xuất xứ.

2.4.2. Những khó khăn vướng mắc

Sự khác biệt về các yêu cầu kỹ thuật giữa các đối tác thương mại

Việt Nam đã tham gia tham gia 15 hiệp định FTA với các đối tác thương mại của Việt Nam. Tuy nhiên, hiện tại việc kết nối trao đổi thông tin chứng từ điện tử mới được thực hiện chính thức trong nội bộ khối ASEAN theo phương thức đa phương và cho 1 chứng từ duy nhất là C/O mẫu D điện tử. Việc kết nối trao đổi các chứng từ khác trong ASEAN hoặc giữa Việt Nam với các đối tác thương mại khác đang trong kế hoạch thử nghiệm hoặc đàm phán để thực hiện.

Sự thiếu đồng bộ trong quá trình kết nối giữa các bên liên quan trong quá trình triển khai

Tại Việt Nam, chứng nhận xuất xứ do Bộ Công Thương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cấp, tờ khai hải quan xuất khẩu do cơ quan hải quan phê duyệt, chứng nhận kiểm dịch do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, chứng nhận an toàn thực phẩm lại liên quan đến cả 3 Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương. Do vậy, trong nội bộ Việt Nam, việc triển khai cần sự tham gia kết nối của các Bộ, ngành, cơ quan liên quan. Tuy vậy, đối với hệ thống xử lý chuyên ngành, trừ Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) đã tập trung hệ thống, các Bộ, ngành vẫn phân tán theo các cấp độ khác nhau. Việc lưu trữ, trao đổi và chia sẻ thông tin vì vậy cũng được thực hiện khá hạn chế.

Công tác thu thập xử lý thông tin phục vụ công tác quản lý thông quan trước khi hàng đến còn nhiều hạn chế.

Đối với thông tin từ các bộ, ngành

Công tác trao đổi thông tin trước khi hàng đến từ các nguồn thông tin Bộ,

ngành, đơn vị liên quan vẫn còn nhiều hạn chế, chưa có được thông tin đồng bộ, chính xác, kịp thời, do vậy ảnh hưởng đến chất lượng xử lý thông tin, phân tích, áp dụng quản lý rủi ro trọng điểm. Những hạn chế thể hiện:

- Thiếu thông tin phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu. Các thông tin về hàng hóa như giấy phép nhập khẩu, giấy phép an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm tra chất lượng sản phẩm.... vẫn chưa được các bộ ngành trao đổi, cung cấp trước khi hàng đến.

- Một số văn bản hướng dẫn về quy trình, thủ tục của các ngành trong việc thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin chưa đầy đủ, đặc biệt chưa có quy định riêng về trao đổi thông tin trước khi hàng đến phục vụ công tác kiểm tra chuyên ngành.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính của các ngành chưa đồng bộ nên phần nào ảnh hưởng đến kết quả quản lý trước thông quan.

- Các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu chưa nhận thức đầy đủ vai trò của việc cung cấp thông tin trước thông quan nên chưa phối hợp với Hải quan cũng như các cơ quan liên quan trong công tác cung cấp thông tin và chia sẻ thông tin để phục vụ công tác quản lý nhà nước về hải quan.

Đối với cơ quan Hải quan

- Ở một số đơn vị cơ sở việc phối hợp trao đổi thông tin của chưa nề nếp. Một số ít cán bộ, công chức nhận thức chưa đầy đủ nên có lúc, có nơi việc thực hiện chưa thống nhất. Ở cấp cơ sở mới chỉ làm tốt ở công tác trao đổi thông tin về cơ chế, chính sách. Công tác trao đổi thông tin nghiệp vụ cụ thể mới chỉ thực hiện khi có yêu cầu, chưa chủ động trao đổi thường xuyên và kịp thời, đặc biệt là những thông tin liên quan đến tiếng của đầu nậu, đường dây, ổ nhóm buôn lậu.

- Nhận thức của một số ít cán bộ, công chức còn có hạn chế nhất định dẫn đến công tác phối hợp có lúc chưa thật sự thống nhất, thường xuyên.

Đối với cơ quan Hải quan các nước

Hiện việc trao đổi thông tin giữa Hải quan Việt Nam và Hải quan các nước chủ yếu là xác minh thông tin về xuất xứ, về chủng loại hàng hóa. Việc trao đổi cụ thể các thông tin về hàng hóa xuất khẩu từ nước bạn để nhập về Việt Nam hoặc

hàng hóa từ Việt Nam xuất đi các nước còn hạn chế.

Nguồn lực và tổ chức triển khai

Cần phải chi tiết cơ chế phối hợp giữa các đơn vị liên quan nhằm hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tham gia Cơ chế Một cửa quốc gia; tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về công nghệ thông tin; đào tạo, tập huấn cho công chức thuộc các bộ, ngành thực hiện xử lý thông tin.

Vướng mắc liên quan đến cổng thông tin Một cửa quốc gia

Hệ thống Một cửa quốc gia chỉ tiếp nhận thông tin khai báo của người khai hải quan khi người đó khai đầy đủ bản khai theo quy định, do vậy việc gửi các chứng từ theo quy định vào các thời điểm khác nhau là không thể thực hiện được.

Hiện chưa có nội dung tàu chuyển cảng trên hệ thống Một cửa quốc gia, hồ sơ tàu chuyển cảng phải xử lý trên hệ thống E-manifest.

Hệ thống chưa có chức năng thống kê số liệu phục vụ cho công tác tổng hợp, báo cáo.

Các dữ liệu khai báo trên E-manifest:

Một số dữ liệu yêu cầu chi tiết hơn thông lệ quốc tế như mã cảng, thông số tàu, hoặc khai báo trên bản khai đính kèm quá nhiều... cũng cần được cân nhắc điều chỉnh, lược bớt thao tác khai báo không cần thiết nhằm tạo điều kiện cho các hàng tàu hoàn thành thủ tục khai báo trước khi tàu cập cảng.

Về thời gian khai báo tối đa 24 tiếng trước khi tàu cập cảng đối với hàng nhập khẩu và ít nhất 1 tiếng trước khi tàu xuất cảng cũng cần xem lại để phù hợp với thực tiễn hải quan và thông lệ quốc tế. Khoảng thời gian như quy định tại Điều 66 Nghị định 08/2015/ND-CP ngày 21/1/2015 là tương đối hạn chế và có thể không đủ thời gian để cơ quan hải quan xử lý thông tin và đưa ra những quyết định ban đầu ngay khi hàng cập cảng hoặc chuẩn bị xuất cảng.

Tiểu kết Chương 2

Trên cơ sở các nội dung tổng quan về hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến và xác định yêu cầu đặt ra đối với cơ quan Hải quan trong việc hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến nhằm tạo thuận lợi thương mại quốc tế. Tại Chương 2, Nhóm nghiên cứu đã đánh giá được thực trạng hợp tác, trao đổi, xử lý thông tin trước khi hàng đến giữa cơ quan Hải quan với các đối tác như các cơ quan chính phủ, Hải quan các nước, các tổ chức quốc tế và doanh nghiệp.

Từ đó, nhận diện những kết quả đạt được, và khó khăn vướng mắc về công tác hợp tác, trao đổi, xử lý thông tin trước khi hàng đến của Hải quan Việt Nam. Trong đó, có một số khó khăn trong sự khác biệt về các yêu cầu kỹ thuật giữa các đối tác thương mại; Sự thiếu đồng bộ trong quá trình kết nối giữa các bên liên quan trong quá trình triển khai; Công tác thu thập xử lý thông tin phục vụ công tác quản lý thông quan trước khi hàng đến còn nhiều hạn chế; khó vấn về nguồn lực và tổ chức triển khai. Những nhận định này sẽ là cơ sở để Nhóm nghiên cứu đưa ra giải pháp tại Chương 3.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC, TRAO ĐỔI VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRƯỚC KHI HÀNG ĐẾN

3.1. Xu hướng phát triển hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến của hải quan thế giới và mục tiêu của ngành Hải quan

3.1.1. Xu hướng phát triển của hải quan thế giới trong hoạt động hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến

Hải quan thế giới định hướng nâng cao hoạt động hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến theo xu hướng như sau:

Ứng dụng công nghệ hiện đại trong hợp tác, trao đổi và chia sẻ dữ liệu trước khi hàng đến

Thúc đẩy hợp tác, trao đổi thông tin giữa cơ quan Hải quan với các bên liên quan bao gồm: Hải quan – Hải quan, Hải quan với các cơ quan chính phủ, Hải quan – Doanh nghiệp

3.1.2. Mục tiêu của Hải quan Việt Nam trong hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến

Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 628/QĐ-TTg, trong đó, một trong các chỉ tiêu đến năm 2030 là "*100% các cửa khẩu đường bộ triển khai hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin khai trước về hàng hóa xuất nhập khẩu trước khi phương tiện vận chuyển hàng hóa qua biên giới*". Như vậy, với tầm quan trọng của việc khai báo trước khi hàng đến, Hải quan Việt Nam cần đặt ra các mục tiêu cụ thể như sau:

Thứ nhất, xây dựng và kiến nghị hoàn thiện quy định pháp lý về thông tin trước khi hàng đến và chia sẻ thông tin trong nước và quốc tế.

Thứ hai, kịp thời thu thập, phân tích thông tin phương tiện vận tải, hàng hóa nhập khẩu trước khi về đến cửa khẩu biên giới từ đó giải quyết nhanh thủ tục hải quan nhằm tạo thuận lợi thương mại, rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa và tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

qua biên giới.

Thứ ba, thực hiện nghiêm túc việc khai báo thông tin trước khi hàng hóa đến cửa khẩu biên giới đường bộ, đường thủy nội địa.

Thứ tư, trên cơ sở kết quả kiểm tra hồ sơ và các thông tin thu thập được trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan trước khi hàng đến, cơ quan Hải quan tăng cường nghiệp vụ rủi ro để thực hiện chuyên luồng kiểm tra thực tế hàng hóa đối với các trường hợp nghi vấn theo chỉ dẫn rủi ro trên hệ thống.

Thứ năm, cơ quan Hải quan triển khai xây dựng phần mềm tiếp nhận thông tin phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, hàng hóa nhập khẩu trước khi hàng hóa đến cửa khẩu biên giới đảm bảo việc kết nối, cập nhật dữ liệu cân điện tử tại cửa khẩu, chia sẻ thông tin với Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, địa điểm tập kết, theo dõi hàng hóa đưa vào, đưa ra, lưu giữ trong khu vực kho, bãi, địa điểm tập kết,...

Thứ sáu, Hải quan Việt Nam cần tăng cường hợp tác quốc tế, phối hợp trao đổi thông tin với Hải quan các nước, đây là nguồn dữ liệu quan trọng giúp cơ quan Hải quan thu thập và xử lý thông tin trước khi hàng đến.

Thứ bảy, tiếp cận với mô hình quản lý của một số nước tiên tiến và mô hình hải quan hiện đại do WCO khuyến nghị.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến

3.2.1. Nhóm giải pháp về tham mưu xây dựng cơ sở pháp lý về hợp tác, trao đổi thông tin trước khi hàng đến giữa cơ quan hải quan với các bên liên quan

(i) Cụ thể hoá các nội dung về hỗ trợ trao đổi thông tin trước khi hàng đến giữa Hải quan Việt Nam và Hải quan các nước

Hiện tại, cấp Tổng cục có các Hiệp định, biên bản ghi nhớ, quy chế trao đổi thông tin; cấp địa phương, các cụm Hải quan với các nước có chung đường biên giới ký kết các biên bản hợp tác cụm nhưng chưa có sự hệ thống, quản lý đầy đủ. Mặt khác, tại quyết định số 1719/QĐ-TCHQ ngày 01/7/2020, quy định về việc

các thông tin trao đổi với nước ngoài phải được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu chung về HTQT, tuy nhiên đến nay hệ thống vẫn chưa được xây dựng. Việc thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin nước ngoài đang thực hiện thủ công, theo dõi bằng sổ, chưa ứng dụng CNTT để quản lý, theo dõi.

Cần thống nhất về mẫu dữ liệu trao đổi thông tin trước khi hàng đến giữa cơ quan hải quan Việt Nam và hải quan quốc tế cũng như với các bên có liên quan khác để đảm bảo sự tương thích về định dạng trao đổi thông tin.

(ii) Ban hành nghị định hướng dẫn về quản lý dữ liệu điện tử trước khi hàng đến

Hiện nay chưa có Nghị định riêng quy định về cơ chế hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến. Do vậy cần xây dựng nghị định quy định rõ cơ sở pháp lý về cơ chế hợp tác chia sẻ thông tin trước khi hàng đến giữa cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý chuyên ngành trong trường hợp hàng hoá nhập khẩu cần có giấy phép kiểm tra chuyên ngành.

(iii) Bổ sung tiêu chí khai thông tin trước khi hàng đến làm tiêu chuẩn xếp hạng doanh nghiệp. Quyết định 1399/QĐ-TCHQ ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Tổng cục Hải quan ban hành chương trình thí điểm hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tự nguyện tuân thủ pháp luật hải quan. Điều kiện được tham gia chương trình là doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ việc cập nhật thông tin theo quy định Thông tư 81/2019/TT-BTC ngày 5/11/2019, tuy nhiên chưa đề cập đến trách nhiệm khai thông tin trước khi hàng đến là một trong những tiêu chí xếp hạng doanh nghiệp và đánh giá mức tuân thủ của người khai hải quan.

(iv) Cần đưa ra quy định về cơ sở dữ liệu trao đổi thông tin trước khi hàng đến đối với những hàng hoá thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, hàng hoá yêu cầu cấp giấy kiểm tra chuyên ngành trước khi mở tờ khai vì hiện nay các thông tin khác về hàng hóa như giấy phép nhập khẩu, giấy phép an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm tra chất lượng sản phẩm... vẫn chưa được các bộ ngành trao đổi, cung cấp trước khi hàng đến.

(v) Cần đưa ra chế tài về việc chậm cung cấp thông tin trước khi hàng đến

của các cơ quan bộ, ngành để tăng hiệu quả xử lý các thủ tục hành chính trên cơ chế Một cửa quốc gia đồng thời tăng mức độ hài lòng của doanh nghiệp và giúp thúc đẩy các biện pháp tạo thuận lợi thương mại cho doanh nghiệp, rút ngắn thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

(vi) Xây dựng Khung pháp lý về trao đổi dữ liệu điện tử trước giữa các bên tham gia chuỗi cung ứng thương mại điện tử.

Vấn đề hiện nay cần thiết lập Khung pháp lý về trao đổi dữ liệu điện tử giữa các bên tham gia và chuỗi cung ứng thương mại điện tử và giữa cơ quan hải quan và cơ quan liên quan khác để tăng cường các biện pháp tạo thuận lợi và kiểm soát hải quan phù hợp với pháp luật hiện hành và chống lại các hành vi cạnh tranh không lành mạnh như độc quyền, luật bảo vệ dữ liệu, quyền riêng tư và quyền dữ sở hữu dữ liệu. Khung pháp lý dữ liệu bao gồm Bộ điều chỉnh dữ liệu giúp cơ quan hải quan thu thập thông tin về đối tượng cung cấp/trao đổi thông tin điện tử và thẩm định tính chính xác của thông tin cung cấp từ đó giúp tiến hành đánh giá rủi ro và đảm bảo công tác thu thuế hải quan.

3.2.2. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện việc trao đổi, thu thập và xử lý thông tin trước khi hàng đến

(i) Phân công đơn vị đóng vai trò đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin trước khi hàng đến

Công tác thu thập, xử lý thông tin từ nước ngoài tại Tổng cục Hải quan hiện đang được thực hiện riêng rẽ, gồm nhiều đầu mối nghiệp vụ khác nhau, mỗi đơn vị đều có bộ phận thu thập xử lý thông tin về lĩnh vực được giao phụ trách. Điều này gây nên sự chông chéo và chưa có tính tổng thể trong việc xử lý các thông tin tiếp nhận về hàng hoá đặc biệt là các thông tin nghiệp vụ thu thập được trước khi hàng đến. Do vậy, cần quy định các đầu mối tiếp nhận, xử lý thông tin bao gồm thông tin từ nước ngoài cung cấp và thông tin từ các đơn vị, cơ quan và đối tác trong nước cung cấp.

(ii). Xây dựng các quy trình quản lý thông tin trước khi hàng đến

Hệ thống kiểm soát dữ liệu trước hàng nhập khẩu. Hiện nay, việc trao đổi

thông tin trước khi hàng đến được thực hiện thông qua cơ chế Một cửa quốc gia, tuy nhiên như đã phân tích ở chương 2, việc trao đổi thông tin trước khi hàng đến trên cơ chế một cửa quốc gia chủ yếu là việc trao đổi thông tin về chứng nhận xuất xứ C/O. Các thông tin trao đổi về dữ liệu tờ khai mới đang ở dạng thử nghiệm với một số nước. Thêm nữa, cơ chế trao đổi giữa cơ quan hải quan và các nhà điều hành kinh tế cụ thể các công ty chuyên phát nhanh, bưu chính, các công ty giao nhận vận tải, các hãng hàng không vẫn chưa được thực hiện trên cơ chế Một cửa quốc gia.

3.2.3. Giải pháp công nghệ thông tin

(i) Xây dựng hệ thống CNTT đồng bộ

Cần xây dựng hệ thống CNTT đồng bộ giữa cơ quan hải quan và các cơ quan chính phủ khác, đảm bảo tính tương thích về hệ thống, đảm bảo chất lượng đường truyền và các phần mềm hệ thống phù hợp giữa các cơ quan. Không chỉ vậy, cần đề ra quy chế phối hợp về trao đổi thông tin giữa cơ quan hải quan và các cơ quan liên quan trong đó theo hướng cơ quan hải quan là cơ quan chủ đạo, vận hành hệ thống trao đổi thông tin nhưng đồng thời cần quy định rõ trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin của các cơ quan liên ngành cho cơ quan hải quan về mặt thời gian cung cấp cũng như nội dung và chất lượng thông tin cung cấp.

(ii) Áp dụng công nghệ chuỗi khối Blockchain để tiếp nhận và xử lý thông tin trước về hàng hoá (ACI)

Đối với công tác quản lý thông tin trước khi hàng đến cửa khẩu nhập của cơ quan hải quan, để giải quyết tất cả các vấn đề liên quan, cơ quan hải quan cần áp dụng công nghệ chuỗi khối blockchain để số hoá và xử lý thông tin trước khi hàng đến đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu, quyền sở hữu dữ liệu và truy xuất nguồn gốc của dữ liệu, đồng thời tiết kiệm thời gian và chi phí doanh nghiệp, giúp đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro và tạo thuận lợi thương mại đối với hàng hoá vận chuyển xuyên biên giới của cơ quan hải quan.

(iii) Giải pháp đẩy nhanh chuyển đổi số dữ liệu phục vụ công tác chia sẻ, xử lý thông tin trước khi hàng đến

Trước hết, cần số hoá nguồn dữ liệu của cơ quan hải quan và các cơ quan bộ, ngành khác và cơ sở dữ liệu của các chủ thể tham gia vào hoạt động hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để tạo cơ sở dữ liệu đồng bộ, tương thích và thống nhất.

(iv) Đảm bảo an toàn thông tin về dữ liệu

Triển khai hiệu quả các giải pháp nâng cao an toàn thông tin như: Bổ sung hoàn thiện hệ thống chữ ký số. Mua sắm thay thế một số trang thiết bị mạng, trang thiết bị bảo mật. Bổ sung giải pháp an toàn bảo mật thông tin đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo cấp độ.

3.2.4. Áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro để tăng hiệu quả xử lý thông tin trước khi hàng đến

Trước tiên, cần tăng cường nghiệp vụ rủi ro thông qua các việc phân tích các dữ liệu thông tin trước về tờ khai để dự báo các mối nguy cơ tiềm ẩn từ đó đưa ra các biện pháp quản lý hải quan cần thiết.

Thứ hai, cần phải đảm bảo tính sẵn sàng của dữ liệu thông tin trước về hàng hoá, chia sẻ thông tin liên quan đến rủi ro và kết quả kiểm soát giữa các cơ quan hải quan để phân tích và giảm thiểu rủi ro.

Thứ ba, cần kiểm soát hiệu quả các biện pháp rủi ro được áp dụng và áp dụng phương pháp đánh giá rủi ro năng động.

Thứ tư, nâng cao năng lực phân tích rủi ro thông qua cơ chế hợp tác.

3.2.5. Giải pháp về nguồn lực

(i) Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Trước tiên, công chức cần phải được đầu tư, hỗ trợ về kinh phí và được tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ. Công chức cần nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; kỹ năng làm việc, sử dụng hệ thống CNTT và các công nghệ số trong môi trường số, chuyển đổi số cho các bộ ngành. Tham gia các lớp đào tạo bổ sung kiến thức quản lý, quản trị, triển khai các hỗ trợ vận hành các hệ thống ứng dụng, cơ sở dữ liệu, trang thiết bị hệ thống CNTT, ứng dụng công nghệ của Cách mạng Công nghiệp 4.0; kỹ năng làm việc đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

(ii) Hoàn thiện bộ máy tổ chức đáp ứng yêu cầu thực hiện kết nối và chia sẻ

thông tin trên hệ thống quản lý dữ liệu điện tử tập trung hàng hoá xuất nhập khẩu.

- Thành lập Ban Chỉ đạo quản lý hệ thống điều hành quản lý dữ liệu hàng hoá xuất nhập khẩu bao gồm dữ liệu trước về hàng hoá.

- Cơ quan đầu mối – Tổng cục Hải quan cần phân công nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị trong việc kết nối và chia sẻ thông tin trước về hàng hoá trên hệ thống Một cửa quốc gia.

(iii) Xây dựng quy trình vận hành xử lý dữ liệu chuyên nghiệp cần phải có một bộ phận chuyên trách được đào tạo và chính sách hỗ trợ đối với công chức giám sát hệ thống.

Thành lập một bộ phận chuyên trách về đánh giá các mối đe dọa với lô hàng và thường xuyên báo cáo về các xu hướng và mô hình gian lận thương mại đang có chiều hướng phát triển.

3.2.6. Giải pháp về tăng cường hợp tác và phối hợp

(i) Tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành

(i) Tăng cường hợp tác quốc tế về kết nối, chia sẻ thông tin trước khi hàng đến

(iii) Tăng cường trao đổi, thông tin với cơ quan cảnh sát quốc tế Interpol

3.3. Một số kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị Chính phủ

Chính phủ cần thống nhất về nguyên tắc kết nối và trao đổi thông tin giữa các bộ ngành liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh theo cơ chế Một cửa quốc gia. Chính phủ cần chỉ đạo sớm ban hành Nghị định về kết nối và chia sẻ thông tin trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh người và phương tiện vận tải theo cơ chế một cửa quốc gia là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc hợp tác chia sẻ thông tin giữa cơ quan Hải quan và các cơ quan quản lý chuyên ngành khác.

Cần xem xét ban hành Nghị định quản lý dữ liệu điện tử trước khi hàng đến làm căn cứ để nâng cao vai trò của thông tin trước đối với các quyết định của cơ quan hải quan trong quá trình thông quan, tạo điều kiện cho doanh nghiệp rút ngắn thời gian thông quan và thủ tục khai báo khi thông quan, đơn giản hoá thủ tục giấy

tờ, nộp 1 lần sử dụng nhiều lần.

Khẩn trương ký kết các văn kiện hợp tác về các nội dung trao đổi thông tin và dữ liệu điện tử trước khi hàng đến để hiện thực hoá các nội dung về tạo thuận lợi thương mại trong các hiệp định FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết và tham gia.

3.3.2. Kiến nghị với Bộ Tài chính

- Phê duyệt các cơ chế, chủ trương và đầu tư nguồn lực để đẩy nhanh việc kết nối, chia sẻ dữ liệu thông tin trước khi hàng đến như chủ trương về xây dựng cơ sở hạ tầng CNTT hiện đại, đáp ứng yêu cầu chia sẻ thông tin giữa Hải quan Việt Nam với quốc tế.

- Xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn và cơ chế, chính sách có liên quan đáp ứng yêu cầu thực hiện thí điểm; cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin trước khi hàng đến. Xây dựng hệ thống quản lý thông tin trước hàng hoá nhập khẩu làm cơ sở để chia sẻ và xử lý thông tin trước khi hàng đến, cũng như quy định cơ chế chia sẻ thông tin của cơ quan hải quan và cơ quan bộ ngành khác, giữa cơ quan hải quan và cơ quan quốc tế.

- Đầu tư về nguồn lực và kinh phí để vận hành và bảo trì hệ thống trung tâm dữ liệu và các dịch vụ nâng cấp cơ sở hạ tầng để đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ thông tin, đảm bảo thông tin được truyền kịp thời, thông suốt 24/7.

- Nghiên cứu, đề xuất, ban hành chế độ đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

3.3.3. Kiến nghị với các Bộ, Ngành liên quan

- Chỉ định một cán bộ làm đầu mối phụ trách kết nối và chia sẻ dữ liệu. Công khai các thông tin về sự sẵn sàng chia sẻ dữ liệu và các thông tin cần công bố khác theo quy định.

- Tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin; các quy định về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến dữ liệu; quyền riêng tư của tổ chức, cá nhân.

- Bảo đảm dữ liệu chia sẻ phải có khả năng gửi, nhận, lưu trữ, xử lý được bằng thiết bị số. Tuân thủ các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về trao đổi dữ liệu,

về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước và các nguyên tắc được quy định.

- Phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

Đối với Bộ Công An

Bố trí nguồn lực để phối hợp trong việc quản lý, chia sẻ thông tin trước khi hàng đến nhằm đảm bảo an ninh, an toàn dữ liệu. Hỗ trợ Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan trong việc thực hiện kiểm soát hàng hoá xuất nhập khẩu, nắm bắt nguồn thông tin tình báo phục vụ công tác điều tra, chống buôn lậu thông các việc phân tích dữ liệu thông tin trước khi hàng đến.

Đối với Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Chia sẻ các thông tin dự báo liên quan đến ngành hàng, lĩnh vực bộ ngành quản lý làm cơ sở để cơ quan hải quan tiến hành thu thập, phân tích dữ liệu trước khi hàng đến để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về hải quan.

Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện thí điểm; xây dựng cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin và ra quyết định trong khuôn khổ Cơ chế hải quan một cửa quốc gia;

Đối với Bộ Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hải quan một cửa quốc gia và Trung tâm quản lý dữ liệu nhằm bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cho hệ thống khi vận hành.

Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan xây dựng cơ chế, chính sách nhằm đa dạng hoá các kênh thanh toán điện tử đối với các khoản phí, lệ phí, thuế và các khoản thu khác gắn liền với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa và phương tiện vận tải trong khuôn khổ các thủ tục hành chính được triển khai trong Cơ chế hải quan một cửa quốc gia nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh cơ quan Hải quan đang đẩy mạnh hải quan số, hải quan thông minh, một trong các chỉ tiêu của Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030 là "100% các cửa khẩu đường bộ triển khai hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin khai trước về hàng hóa xuất nhập khẩu trước khi phương tiện vận chuyển hàng hóa qua biên giới". Để đạt được mục tiêu này, cơ quan Hải quan cần tăng cường mạnh mẽ hoạt động hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến trong thời gian tới.

Trên cơ sở nghiên cứu tổng quan về hoạt động hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến trong tạo thuận lợi thương mại quốc tế và thực trạng hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến ở Việt Nam hiện nay. Nhóm nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến:

Thứ nhất, giải pháp về hoàn thiện cơ sở pháp lý;

Thứ hai, giải pháp về tổ chức thực hiện việc trao đổi, thu thập và xử lý thông tin trước khi hàng đến;

Thứ ba, giải pháp công nghệ thông tin;

Thứ tư, áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro thông qua việc phân tích thông tin trước khi hàng đến;

Thứ năm, giải pháp về nguồn lực;

Thứ sáu, giải pháp về tăng cường hợp tác và phối hợp.

Cuối cùng, Nhóm cũng đưa ra một số kiến nghị với Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan nhằm nâng cao hiệu quả công tác hợp tác, trao đổi và xử lý thông tin trước khi hàng đến đáp ứng yêu cầu tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế. Từ đó, giúp cơ quan Hải quan thực hiện tốt nhiệm vụ vừa đảm bảo an ninh và kiểm soát dây chuyền cung ứng quốc tế, mặt khác phải tạo thuận lợi hơn nữa cho thương mại hợp pháp.